Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ: ……..

(*Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó:* ☑*; Nội dung không đúng thì để trống:* □)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☑ ; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Sinh học; Chuyên ngành: Thực vật học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Đỗ Ngọc Đài

2. Ngày tháng năm sinh: 15/10/1982; Nam ☑; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☑

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Thiệu Hợp, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Đường Đậu Yên, Khối Yên Trường, phường Trung Đô, tp Vinh, tỉnh Nghệ An

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): 51-Lý tự Trọng, tp Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại nhà riêng: ….; Điện thoại di động: 0986567908; E-mail: daidn23@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 03/2014 đến tháng 12/2012: Giảng viên, Khoa Nông Lâm Ngư, Trường Đại học Kinh tế Nghệ An

Từ tháng 12/2014 đến tháng 06/2016: Giảng viên, Phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế, Trường Đại học Kinh tế Nghệ An

Từ tháng 06/2016 đến tháng 06/2020: Giảng viên, Phó trưởng phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác Quốc tế, Trường Đại học Kinh tế Nghệ An

Từ tháng 06/2020 đến nay: Giảng viên, Phó trưởng phòng Quản lý Đào tạo - Khoa học và Hợp tác Quốc tế, Trường Đại học Kinh tế Nghệ An

Chức vụ: Hiện nay: Phó trưởng phòng; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng phòng

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Kinh tế Nghệ An

Địa chỉ cơ quan: 51-Lý tự Trọng, tp Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại cơ quan: 0238 8692 096

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): ……..…….……

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ……năm ……..……

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): ……..……..

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): ……..…… ……

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 10 năm 2005; số văn bằng: 0339857; ngành: Sinh học, chuyên ngành: Sinh học; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Vinh, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 17 tháng 10 năm 2008; số văn bằng: 043216; ngành: Sinh học; chuyên ngành: Thực vật học; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Vinh, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 08 tháng 08 năm 2014; số văn bằng: 03210; ngành: Sinh học; chuyên ngành: Thực vật học; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Việt Nam

- Được cấp bằng TSKH ngày … tháng … năm ....; số văn bằng: ……..; ngành: …….; chuyên ngành: ……; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): …….

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày …… tháng ……. năm ……. ,

ngành: ……..……..

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Hồng Đức

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Sinh học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu về đa dạng thực vật và tài nguyên thực vật.

- Nghiên cứu về tinh dầu và hoạt tính sinh học của tinh dầu.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) **01** NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) **10** HVCH bảo vệ thành công luận văn; ThS

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng **06:** cấp cơ sở **03**; cấp Bộ (Nafosted) **02,** cấp tỉnh **01**;

- Đã công bố (số lượng) **128** bài báo khoa học, trong đó **72** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) …… bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản **03**, trong đó **03** thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: …….

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Bằng khen của Thủ tướng chính phủ ngày 14/01/2021.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Bản thân tôi luôn hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được cấp trên giao. Thực hiện và đáp ứng tốt nhiệm vụ, tiêu chuẩn của nhà giáo.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 07 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/ BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2015-2016			01				0/52,25/91,8
2	2016-2017	01		01		x		90/154,25/81
3	2017-2018			02		x		95/110/81
03 năm học cuối								
4	2018-2019			03		x		133/100,8/81
5	2019-2020			01		x		153/111,84/81
6	2020-2021			01		x		108/88,2/81

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT *ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.*

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn:……

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐; Tại nước: ……..; Từ năm …… đến năm ……

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; tại nước: ……. năm……

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ……. số bằng: …….; năm cấp:……

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:……...

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): …….…….

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải: ……...…….

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): …….

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ … đến …	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Danh Hùng	X		x		07/2017-05/2020	Học viện Khoa học và Công nghệ	18/09/2020
2	Hoàng Thanh Sơn		x	x		07-12/2014	Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật	15/05/2015
3	Nguyễn Thị Hoài Nam		x	x		04-10/2015	Trường Đại học Vinh	11/12/2015
4	Giản Tư Dung		x	x		02-08/2016	Trường Đại học Vinh	16/09/2016
5	Đào Thị Thoan		x	x		12/2016-08/2017	Trường Đại học Hồng Đức	29/11/2017
6	Lê Thị Hồng		x	x		12/2016-08/2017	Trường Đại học Hồng Đức	29/11/2017
7	Nguyễn Thị		x	x		12/2017-	Trường Đại	27/12/2018

	Thảo					08/2018	học Hồng Đức	
8	Ngô Thị Thắm		x	x		12/2017-08/2018	Trường Đại học Hồng Đức	27/12/2018
9	Đặng Văn Sáu		x	x		12/2017-08/2018	Trường Đại học Hồng Đức	27/12/2018
10	Nguyễn Thị Khánh Hòa		x	x		01-08/2019	Trường Đại học Hồng Đức	28/02/2020
11	Phạm Thị Thành Đạt		x	x		07/2019-10/2020	Trường Đại học Nông Lâm tp Hồ Chí Minh	28/01/2021

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	**Tên sách**	**Loại sách (CK, GT, TK, HD)**	**Nhà xuất bản và năm xuất bản**	**Số tác giả**	**Chủ biên**	**Phần biên soạn (từ trang … đến trang)**	**Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)**
I	Trước khi được công nhận TS						
1							
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Tinh dầu họ Na (Annonaceae Juss.) ở Việt Nam	CK	Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội, 2014	04			CV 655 ngày 21 tháng 07 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Nghệ An
2	Đa dạng thực vật Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Hoạt	CK	Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội, 2019	09	x		CV 655 ngày 21 tháng 07 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Nghệ An
3	Tinh dầu và hoạt tính sinh học tinh dầu của một số loài trong họ Gừng (Zingiberaceae Martinov) ở Việt Nam	CK	Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội, 2021	05			CV 655 ngày 21 tháng 07 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Nghệ An

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: [1-3].

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang…. đến trang…… (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1					
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Nghiên cứu tính đa dạng thực vật bậc cao có mạch ở xã Bình Chuẩn thuộc Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Huống, Nghệ An (Đề tài)	CN	T2015-01 (Trường)	01-12/2015	20/01/2016 Tốt
2	Nghiên cứu thành phần hóa học tinh dầu của chi Sa nhân (*Amomum*) và chi Riềng (*Alpinia*) thuộc họ Gừng (Zingiberaceae) ở Bắc Trung Bộ (Đề tài)	CN	106.03.2014-23 (Nafosted)	03/2015-03/2017	30/06/2017 Đạt
3	Điều tra các loài thực vật làm thuốc của người Thái ở xã Đồng Văn thuộc Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Hoạt, Nghệ An (Đề tài)	CN	T2018-01 (Trường)	01-12/2018	12/12/2018 Tốt
4	Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học và thành phần hóa học tinh dầu họ Hồ tiêu (Piperaceae) ở Vườn Quốc gia Vũ Quang, Hà Tĩnh (Đề tài)	CN	T2019-01 (Trường)	01-12/2019	03/12/2019 Tốt
5	Nghiên cứu thành phần hóa học tinh dầu của một số loài thuộc họ Long não (Lauraceae) ở Bắc Trung Bộ (Đề tài)	CN	106.03-2018.02 (Nafosted)	12/2018-12/2020	05/11/2020 Đạt
6	Điều tra, đánh giá tính đa dạng sinh học ở Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Huống, Nghệ An và đề xuất các giải pháp bảo tồn, phát triển (Đề tài)	CN	Cấp tỉnh	10/2019-5/2021	30/05/2021 Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Chemical composition of the leaves essential oil leaf of *Desmos chinensis* Lour. (Annonaceae) from Viet Nam	2	x	Journal of Essential Oil Bearing Plants; ISSN: 0972-060X (Print) 0976-5026 (Onilne)	SCIE, IF: 0.824, Q4	1	15, 6, 1044-1048	2012
2	The leaf essential oils of Five Vietnamese *Desmos* species (Annonaceae)	4	x	Natural Product Communications; ISSN: 1934-578X (Print) 1555-9475 (Online)	SCIE, IF: 0.468, Q4	9	7, 2, 231-234	2012
3	Chemical composition of the essential oil of *Zanthoxylum avicennae* (Lam.) DC. leaves (Rutaceae) from Vietnam	6	x	Journal of Essential Oil Bearing Plants; ISSN: 0972-060X (Print) 0976-5026 (Onilne)	SCIE, IF: 0.824, Q4	6	15, 1, 7-11	2012
4	Các cấu tử dễ bay hơi từ rễ Gừng tía (*Zingiber montanum* (Koenig) Dietrich) và Gừng (*Zingiber offinale* Rosc.)	4	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ; ISSN: 0866-708X			50, 3E, 1229-1234	2012
5	Thành phần hóa học tinh dầu cành loài Bời lời nhớt (*Litsea glutinosa* (Lour.) C. B. Robins.) ở Vườn Quốc gia Bạch Mã	4		Tạp chí Khoa học và Công nghệ; ISSN: 0866-708X			50, 3E, 1235-1239	2012
6	Đa dạng thực vật và bảo tồn ở Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Hoạt, Nghệ An	2		Tạp chí Khoa học và Công nghệ; ISSN: 0866-708X		1	50, 3E, 1347-1352	2012
7	Tính đa dạng hệ thực vật bậc cao ở vùng đệm thuộc Khu Bảo	4	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ; ISSN: 0866-708X			50, 3D, 994-1000	2012

	tồn Thiên nhiên Pù Luông, Thanh Hóa							
8	Thành phần hóa học tinh dầu gỗ loài Sa mộc dầu (*Cunninghamia konishii* Hayata) ở Hà Giang	2	x	Tạp chí Sinh học; ISSN: 0866-7160		2	34, 4, 469-472.	2012
9	Tính đa dạng họ Na (Annonaceae Juss.) ở Bắc Trung Bộ	2	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ; ISSN: 0866-708X			50, 3B, 254-263.	2012
10	Nguồn tài nguyên cây làm thuốc dưới tán rừng khoanh nuôi của đồng bào Thái ở xã Hạnh Dịch, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An	2		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; ISSN: 1859-1523			11, 57-64.	2012
11	Thành phần hóa học tinh dầu gỗ loài Thông nước - *Glyptostrobus pensilis* (Staunt. ex D. Don) K. Koch ở Việt Nam	2	x	Tạp chí Sinh học; ISSN: 0866-7160		1	34, 2, 204-206	2012
12	Nghiên cứu tính đa dạng cây thuốc ở vùng Tây Bắc Nghệ An	3	x	Báo cáo Khoa học về Nghiên cứu và Giảng dạy Sinh học ở Việt Nam, Hội nghị Khoa học Quốc gia lần thứ 1, Nxb Nông nghiệp Hà Nội; ISBN: 978-604-60-0157-7			56-62	2012
13	Thành phần hóa học tinh trong tinh dầu từ rễ loài Na rừng (*Kadsura longipedunculata* Fin. & Gagnep.) ở tỉnh Kon Tum	3		Tạp chí Sinh học; ISSN: 0866-7160			33, 4, 57-59	2011
14	Tài nguyên cây thuốc họ Na (Annonaceae) ở Việt Nam	1	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ			49, 3A, 39-52	2011
15	Thành phần hóa học tinh dầu từ thân và rễ của loài Xưn xe tạp - *Kadsura heteroclita* (Roxb.) Craib phân bố tại tỉnh Vĩnh Phúc	3		Tạp chí Sinh học; ISSN: 0866-7160			33, 3, 58-62	2011

16	Chemical composition of essential oils of *Annona squamosa* L. and *Annona reticulata* L. from Vietnam	3		Tạp chí Sinh học; ISSN: 0866-7160		1	33, 3, 63-67	2011
17	Thành phần hóa học của tinh dầu cành Bách xanh (*Calocedrus macrolepis* Kurz) ở Hà Giang	4		Tạp chí Sinh học; ISSN: 0866-7160			33, 2, 57-59	2011
18	Chemical composition of the essential oil of *Milliusa bailonii* Pierre (Annonaceae) from Vietnam	4		Tạp chí Sinh học; ISSN: 0866-7160		1	33, 2, 60-63	2011
19	Thành phần hóa học tinh dầu Bách xanh đá (*Calocedrus rupestris* Aver., N.T.Hiep & P.K. Loc) ở Hà Giang	4	x	Báo cáo Khoa học về Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật, Hội nghị khoa học Toàn quốc lần thứ 4, Nxb Nông Nghiệp, Hà Nội; ISSN: 1859-4425			1099-1002	2011
20	Tính đa dạng của hệ thực vật bậc cao có mạch sinh sản bằng bào tử ở Vườn quốc gia Bến En, Thanh Hóa	1	x	Báo cáo Khoa học, Hội nghị Toàn quốc lần thứ nhất Hệ thống Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam, Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội, Tháng 4/2011; ISBN: 978-604-913-028-1			127-132	2011
21	Thành phần hóa học tinh dầu rễ Riềng nếp (*Alpinia galanga* Willd.) ở Xiêng Khoảng, Lào	2	x	Tạp chí Công nghệ Sinh học; ISSN: 1811-4989			8, 3A, 441-444	2010
22	Đa dạng thực vật bậc cao có mạch ở khu bảo tồn thiên nhiên Xuân Liên, Thanh Hóa	2	x	Tạp chí Công nghệ Sinh học; ISSN: 1811-4989			8, 3A, 929-935	2010
23	Thành phần hoá học của tinh dầu lá Chuối	4	x	Tạp chí Sinh học; ISSN: 0866-7160			32, 3, 62-64	2010

	con chồng (*Uvaria grandiflora* Roxb. ex Hornem) thu hái ở tỉnh Hà Tĩnh							
24	Chemical composition of the leaf oil of *Litsea glutinosa* (Lour.) C. B. Rob. from Ha Tinh province	4	x	Journal of Science, Natural Sciences and Technology, VNU; ISSN: 2615-9317 (Print) 2588-1140 (Online)			26, 3, 161-164	2010
25	Thành phần hoá học của tinh dầu lá Hàm ếch - *Saurusus chinenesis* (Lour.) Hort. ex Loud. Thu hái ở tỉnh Thanh Hóa	2	x	Tạp chí Sinh học; ISSN: 0866-7160			32, 2, 71-73	2010
26	Thành phần hoá học của tinh dầu từ lá cây Cơm rượi craib (*Glycosmis craibii* Tanaka) ở Nghệ An	4		Tạp chí Khoa học và Công nghệ; ISSN: 0866-708X			48, 2A, 702-705	2010
27	Chemical composition of the essential oil *Artabotrys vinhensis* Ast (Family: Annonaceae) from Vietnam	4	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ; ISSN: 0866-708X			48, 2A, 946-950	2010
28	Đa dạng thực vật núi đã vôi và bảo tồn chúng ở vùng Đông Bắc huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An	3		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; ISSN: 1859-1523			7, 81-85	2010
29	Thành phần hoá học của tinh dầu từ lá cây Dây chân chim núi (*Desmos cochinchinensis* var. *fulversen* Ban) ở Hà Tĩnh	3	x	Tạp chí Sinh học; ISSN: 0866-7160			31, 3, 61-64	2009
30	Thành phần hoá học của tinh dầu Bổ béo trắng (*Fissistigma thoreli* (Pierre ex Fin. & Gagnep.) Merr.) ở Hà Tĩnh	4	x	Báo cáo Khoa học về Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật, Hội nghị Khoa học Toàn quốc lần thứ 3, Nxb Nông Nghiệp, Hà Nội; ISBN: 1859-4425			933-937	2009

31	Thành phần hóa học của tinh dầu từ lá cây Giác đế sài gòn (*Goniothalamus glabracianus* (Baill.) Ast) ở Hà Tĩnh	4	x	Báo cáo Khoa học về Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật, Hội nghị Khoa học Toàn quốc lần thứ 3, Nxb Nông Nghiệp, Hà Nội; ISBN: 1859-4425			938-941	2009
32	Thành phần hoá học của tinh dầu từ lá cây Mãng cầu xiêm (*Annona muricata* L.) ở Nghệ An	3	x	Tạp chí Sinh học; ISSN: 0866-7160			30, 4, 52-56	2008
33	A new natural source of Camphor from *Cinnamomum longepetiolatum* Costerm. apud Phamh.in Vietnam	4		Journal of Science, Natural Sciences and Technology, VNU, ISSN: 2615-9317 (Print) 2588-1140 (Online)			24, 3, 211-213	2008
34	Nghiên cứu tính đa dạng hệ thực vật bậc cao có mạch ở Vườn Quốc gia Bạch Mã	2	x	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; ISSN: 1859-1523			9, 96-99	2008
35	Nghiên cứu tính đa dạng hệ thực vật bậc cao có mạch trên núi đá vôi Vườn quốc gia Bến En-Thanh Hoá	3	x	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; ISSN: 1859-1523		6	19, 106-111	2007
36	Kết quả điều tra tính đa dạng nguồn gen cây thuốc trên núi đá vôi Vườn quốc gia Bến En-Thanh Hoá	2	x	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; ISSN: 1859-1523		2	10 + 11, 30-37	2007
II	Sau khi được công nhận TS							
1	*Lantana camara* L. essential oils from Vietnam: Chemical composition, molluscicidal, and mosquito larvicidal activity	8		Chemistry & Biodiversity, 29 Mar 2021 ISSN: 1612-1880	SCIE, Q3, IF: 2.039			2021
2	Chemical compositions of essential oils and antimicrobial activity of *Amomum cinnamomeum* from Vietnam	4	x	Chemistry of Natural Compounds; ISSN: 1573-8388 (Print); 1573-8388 (Online)	SCIE, Q3, IF: 0.716		57, 3, 487-489	2021

3	Antimicrobial activity of the essential oils from the leaves and stems of *Amomum rubidum* Lamxay & N. S. Lý	7	x	Boletín Latinoamericano y del Caribe de Plantas Medicinales y Aromáticas; ISSN: 0717-7917	SCIE, Q4, IF: 0.771		20, 1, 81-89	2021
4	Đa dạng họ Long não (Lauraceae Juss.) ở Vườn Quốc gia Pù Mát, Nghệ An	6	x	Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia, Hà Nội; ISSN: 2615-9317 (Print) 2588-1140 (Online)			37(1): 68-75	2021
5	*Zingiber neotruncatum* T.L. Wu, K. Larsen & Turland, mô tả loài bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam	5	x	Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia, Hà Nội; ISSN: 2615-9317 (Print) 2588-1140 (Online)			37, 1, 76-80	2021
6	*Friesodielsia filipes* (Hook.f. & Thoms.) Steen. (Annonaceae) loài bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam	3	x	Hội nghị toàn quốc lần thứ 3, Hệ thống Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam, Hà Nội 18/05/2021; ISBN: 978-604-9988-03-5			376-379	2021
7	Chemical constituents of the essential oils from the leaves of *Litsea umbellata* and *Litsea iteodaphne* and their mosquito larvicidal activity	6	x	Journal of Essential Oil Bearing Plants; ISSN: 0972-060X (Print) 0976-5026 (Online)	SCIE, IF: 0.824, Q4	1	23, 6, 1334-1344	2020
8	*Camellia puhoatensis* (Sect. *Archecamellia* - Theaceae), a new species from Vietnam	6		PhytoKeys ISSN: 1314-2011 (Print) 1314-2003 (Online)	SCIE, Q2, IF: 1.225	3	153, 1-11	2020
9	*Camellia ngheanensis* (Sect. *Chrysantha*: Theaceae), a new species from Central Vietnam	6	x	Phytotaxa ISSN: 1179-3155 (Print) 1179-3163 (Online)	SCIE, Q2, IF: 1.007	2	452, 2, 209-216	2020
10	*Loxostigma puhoatense* (Gesneriaceae), a new species from North Central	7		PhytoKeys ISSN: 1314-2011 (Print) 1314-2003 (Online)	SCIE, Q2, IF: 1.225		151, 2, 49-57	2020

	Vietnam							
11	Composition of essential oils from *Litsea firma* var. *austroannamensis* from Vietnam	6	x	Chemistry of Natural Compounds; ISSN: 1573-8388 (Print); 1573-8388 (Online)	SCIE, Q3, IF: 0.716		56, 3, 542-544	2020
12	Compositions of essential oil of *Cinnamomum tetragonum*	6	x	Chemistry of Natural Compounds; ISSN: 1573-8388 (Print) 1573-8388 (Online)	SCIE, Q3, IF: 0.716		56, 3, 545-547	2020
13	Antimicrobial activity and chemical constituents of essential oil from the leaves of *Alpinia globosa* and *Alpinia tonkinensis*	5	x	Journal of Essential Oil Bearing Plants, ISSN: 0972-060X (Print) 0976-5026 (Online)	SCIE, Q4; IF: 0.824	2	23, 2, 322-330	2020
14	Chemical compositions, mosquito larvicidal and antimicrobial activities of leaf essential oils of eleven species of Lauraceae from Vietnam	7	x	Plants; ISSN: 2223-7747	SCIE, Q1; IF: 2.762	4	9, 5, 606	2020
15	Chemical compostions of *Actinodaphne pilosa* essential oil from Vietnam, mosquito larvicidal activity, and antimicrobial activity	6	x	Natural Product Communications; ISSN: 1934-578X (Print) 1555-9475 (Online)	SCIE, Q4, IF: 0.468	2	15, 4, 1-6	2020
16	Chemical compositions, mosquito larvicidal and antimicrobial activities of essential oils from five species of *Cinnamomum* growing wild in North Central Vietnam	7	x	Molecules, ISSN: 1420-3049	SCIE, Q1, IF: 3.267	6	25, 1303	2020
17	Mosquito larvicidal activity on *Aedes alboppictus* and constituents of essential oils from	7	x	Records of Natural Products, ISSN: 1307-6167	SCIE, Q2, IF: 1.444		14, 3, 201-206	2020

	Manglietia dandyi (Gagnep.) Dandy							
18	Chemical composition and antibacterial activities of essential oil from fruits of *Melicope ptelefolia* (Champ. ex Benth.) T.G. Hartley grown in Lam Dong province, Vietnam	5		Academia Journal of Biology ISSN: 0866-7160			42, 3, 89-94	2020
19	Chemical compositions and mosquito larvicidal activities of essential oils from *Piper* species growing wild in central Vietnam	7		Molecules; ISSN: 1420-3049	SCIE, Q1, IF: 3.267	5	24, 3871	2019
20	Analysis of essential oils from the leaf of *Phoebe paniculata* (Wall. ex Nees) Nees, leaf and stems of *Phoebe tavoyana* (Meissn.) Hook. f. from Vietnam	7	x	Journal of Essential Oil Bearing Plants, ISSN: 0972-060X (Print) 0976-5026 (Online)	SCIE, Q4; IF: 0.824	2	22, 1, 231-238	2019
21	A new yellow *Camellia* (Theaceae) from Central Vietnam	7	x	Korean Journal Plant Taxonomy; ISSN: 1225-8318 (Print) 2466-1546 (Online)	EHCS, Q3; IF: 0.54	4	49, 1, 90-95	2019
22	Mosquito larvicidal activity of the essential oils of *Erechtites* species growing wild in Vietnam	8		Insects ISSN: 2075-4450	SCIE, Q1, IF: 2.220	11	10, 2, 47	2019
23	Essential oil constituents from the leaves of *Anoectochilus setaceus*, *Codonopsis javanica* and *Aristolochia kwangsiensis* from Vietnam	5	x	Record of Natural Products; ISSN: 1307-6167	SCIE; Q2, IF: 1.444	5	13, 3, 281-286	2019
24	*Zingiber vuquangense* (Sect. *Cryptanthium*:	5		Phytotaxa ISSN: 1179-3155 (Print)	SCIE; Q2, IF: 1.007	3	338, 4, 295-300	2019

	Zingiberaceae), a new species from North Central coast region, Vietnam			1179-3163 (Online)				
25	Bổ sung loài *Piper minutistigmum* C. DC. (Piperaceae) cho hệ thực vật Việt Nam	3	x	Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội; ISSN: 2615-9317 (Print) 2588-1140 (Online)			35, 2, 32-35	2019
26	Đa dạng thực vật lớp Một lá mầm (Monocotyledone) ở Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Hoạt, tỉnh Nghệ An	4	x	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội; ISSN: 2615-9317 (Print) 2588-1140 (Online)			35, 1, 83-89	2019
27	Nghiên cứu đa dạng các kiểu thảm thực vật Khu Bảo tồn Thiên nhiên Pù Hoạt, tỉnh Nghệ An	5	x	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN: 1859-4581			21: 85-91	2019
28	Chemical composition of essential oils of *Alpinia strobiliformis* T. L. Wu & S. J. Chen and *Alpinia blepharocalyx* K. Schum. from Vietnam	5	x	Journal of Essential Oil Bearing Plants; ISSN: 0972-060X (Print) 0976-5026 (Online)	SCIE, Q4; IF: 0.824		21, 6, 1585-1593	2018
29	*Dasymaschalon bachmaensis* (Annonaceae), a new species from Bạch Mã National Park, North Central Coast region, Vietnam	4	x	Phytotaxa; ISSN: 1179-3155 (Print) 1179-3163 (Online)	SCIE; Q2, IF: 1.007	1	379, 1, 49-56	2018
30	Volatile constituents of *Siliquamomum tonkinensis* from Vietnam	5	x	Chemistry of Natural Compounds; ISSN: 1573-8388 (Print); 1573-8388 (Online)	SCIE; Q3, IF: 0.716		54, 5, 990-991	2018
31	Analysis of essential oil from *Alpinia napoensis*	4	x	Chemistry of Natural Compounds; ISSN: 1573-8388 (Print); 1573-8388 (Online)	SCIE; Q3, IF: 0.716		54, 5, 992-994	2018
32	The leaves and	3	x	Journal of	SCIE, Q4;		21, 2, 529-	2018

	rhizomes essential oils of *Alpinia oblongifolia* Hayata			Essential Oil Bearing Plants; ISSN: 0972-060X (Print) 0976-5026 (Online)	IF: 0.824		534	
33	Constituents of essential oil from *Dasymaschalon bachmaensis* and *Phaeanthus vietnamensis*	6	x	Natural Product Communications; ISSN: 1934-578X (Print) 1555-9475 (Online)	SCIE, Q4, IF: 0.468	1	13, 5, 627-628	2018
34	Chemical analysis of essential oils of *Piper laosanum* and *Piper acre* (Piperaceae) from Vietnam	6	x	Journal of Essential Oil Bearing Plants; ISSN: 0972-060X (Print) 0976-5026 (Online)	SCIE, Q4; IF: 0.824	5	21, 1, 181-188	2018
35	Chemical constituents of essential oils from three Vietnamese species of *Pinus*	6	x	Boletín Latinoamericano y del Caribe de Plantas Medicinales y Aromáticas; ISSN: 0717-7917	SCIE, Q3; IF: 0.771	4	17, 1, 53-60	2018
36	Essential oil constituents of the leaves of *Amomum gagnepainii* and *Amomum repoense*	5	x	Natural Product Research; ISSN: 478-6419 (Print) 1478-6427 (Online)	SCIE, Q2; IF: 2.158	5	32, 3, 316-321	2018
37	*Piper boehmeriaefolium* (Piperaceae) loài bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam	4		Báo cáo Khoa học về Nghiên cứu và Giảng dạy Sinh học ở Việt Nam, Hội nghị Khoa học Quốc gia lần thứ 3, Nxb Nông nghiệp Hà Nội, Quy Nhơn, 20/5/2018; ISBN: 978-604-931-695-5			529-532	2018
38	Đa dạng các loài cây thuốc của người Thái ở xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, Nghệ An	5	x	Báo cáo Khoa học về Nghiên cứu và Giảng dạy Sinh học ở Việt Nam, Hội nghị Khoa học Quốc gia lần thứ 3, Nxb Nông nghiệp Hà Nội,			34-41	2018

				Quy Nhơn, 20/5/2018; ISBN: 978-604-931-695-5				
39	Essential oil of *Syzygium grande* (Wihgt) Walp. and *Syzygium sterrophyllum* Merr. et Perry	5	x	Journal of Essential oil Bearing Plants; ISSN: 0972-060X (Print) 0976-5026 (Online)	SCIE, Q4; IF: 0.824	2	20, 6, 1620-1626	2017
40	Essential oils of leaves, stems and roots of Vietnamese species of *Alpinia menghaiensis* and *A. maclurei*	4	x	Chemistry of Natural Compounds; ISSN: 1573-8388 (Print) 1573-8388 (Online)	SCIE; Q3, IF: 0.716	3	53, 3, 570-573	2017
41	Volatile constituents of *Atalantia roxburghiana* Hook. f., *Tetradium trichotorum* Lour. and *Macclurodendron oligophlebia* (Merr.) Hartl. (Rutaceae) from Vietnam	4	x	Boletín Latinoamericano y del Caribe de Plantas Medicinales y Aromáticas; ISSN: 0717-7917	SCIE, Q3; IF: 0.771		16, 5, 513-519	2017
42	Essential oils of root of *Stahlianthus campanulatus* O. Kuzt	5	x	Record of Natural Product; ISSN: 1307-6167	SCIE; Q2, IF: 1.444		20, 3, 318-322	2017
43	Analysis of the volatile constituents of *Alpinia pinnanensis*	5	x	Journal of Essential Oil Bearing Plants; ISSN: 0972-060X (Print) 0976-5026 (Online)	SCIE, Q4; IF: 0.824	4	20, 1, 264-271	2017
44	*Zingiber nitens* M. F. Newman: A new species and its essential oil constituent	5	x	Journal of Essential Oil Bearing Plants; ISSN: 0972-060X (Print) 0976-5026 (Online)	SCIE, Q4; IF: 0.824	7	20, 1, 69-75	2017
45	Constituents of essential oil from the leaf, stem, root, fruit and flower of *Alpinia macroura* K. Schum	5	x	Boletín Latinoamericano y del Caribe de Plantas Medicinales y Aromáticas,	SCIE, Q3; IF: 0.771	2	16, 1, 26-33	2017

				ISSN: 0717-7917				
46	Đa dạng họ Na (Annonaceae Juss. 1789) ở Vườn Quốc gia Vũ Quang, Hà Tĩnh	4		Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội; ISSN: 2615-9317 (Print) 2588-1140 (Online			33, 1S, 318-323	2017
47	Thành phần hóa học tinh dầu loài Bời lời phiến lá thon (*Litsea lancilimba* Merr.) và Bời lời lá thuôn (*Litsea elongata*) ở Vườn Quốc gia Vũ Quang, Hà Tĩnh	4		Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội; ISSN: 2615-9317 (Print) 2588-1140 (Online			33, 1S, 324-328	2017
48	*Alpinia rugosa* S. J. Chen & Z. Y Chen (Zingiberaceae) loài bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam	4		Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội; ISSN: 2615-9317 (Print) 2588-1140 (Online		2	33, 1, 101-104	2017
49	Bổ sung loài Gừng sáng bóng (*Zingiber nitens* M. F. Newman) (Zingiberaceae) cho hệ thực vật Việt Nam	5	x	Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội; ISSN: 2615-9317 (Print) 2588-1140 (Online		4	33, 2, 46-50	2017
50	Analysis and olfactory description of four essential oils from Vietnam	6		Natural Product Communications, ISSN: 1934-578X (Print) 1555-9475 (Online)	SCIE, Q4, IF: 0.468	1	11, 10, 1551-1553	2016
51	Chemical composition of Vietnamese essential oils of *Cinnamomum rigidifolium*, *Dasymaschalon longiusculum*, *Fissistigma maclurei* and *Goniothalamus albiflorus*	6		Natural Product Communications; ISSN: 1934-578X (Print) 1555-9475 (Online)	SCIE, Q4, IF: 0.468	5	11, 11, 1071-1073	2016
52	Chemical constituents of essential oils from the leaf, flower and fruit of *Zanthoxylum avicenna* (Lam.) DC. (Rutaceae) from Vietnam	5		Journal of Essential Oil Bearing Plants; ISSN: 0972-060X (Print) 0976-5026 (Online)	SCIE, Q4; IF: 0.824	3	19, 4, 1019-1024	2016

53	Identification of the volatile compounds in the leaf and stem bark of three *Goniothalamus* species from Vietnam	3		Journal of Essential Oil Bearing Plants; ISSN: 0972-060X (Print) 0976-5026 (Online)	SCIE, Q4; IF: 0.824	4	19, 3, 743-749	2016
54	Volatile constituents of three *Illicium* plants	6	x	Records of Natural Products; ISSN: 1307-6167	SCIE, Q2, IF: 1.444	2	10, 6, 806-811	2016
55	Study on essential oils from the leaves of two Vietnamese plants: *Jasminum sbubtriplinerve* C. L. Blume and *Vitex quinata* (Lour.) F. N. Williams	4	x	Natural Product Research; ISSN: 478-6419 (Print) 1478-6427 (Online)	SCIE, Q2; IF: 2.158	7	30, 7, 860-864	2016
56	Constituents of essential oils from three species of *Fissistigma* genus from Vietnam	5		Chemistry of Natural Compounds; ISSN: 1573-8388 (Print) 1573-8388 (Online)	SCIE; Q3, IF: 0.716	1	52, 1, 155-158	2016
57	Chemical constituents of essential oil bearing plants from Vietnam	3		Chemistry of Natural Compounds; ISSN: 1573-8388 (Print) 1573-8388 (Online)	SCIE; Q3, IF: 0.716		52, 1, 152-153	2016
58	Composition of essential oils from *Chloranthus elatior* and *Ch. spicatus* from Vietnam	3		Chemistry of Natural Compounds; ISSN: 1573-8388 (Print) 1573-8388 (Online)	SCIE; Q3, IF: 0.716		52, 1, 149-151	2016
59	Thành phần hóa học tinh dầu của loài Quýt rừng (*Atalantia guillauminii* Swingle) (Rutaceae) ở Vườn Quốc gia Pù Mát, Nghệ An	5		Tạp chí Sinh học; ISSN: 0866-7160		1	38, 1, 70-74	2016
60	Đa dạng họ Gừng (Zingiberaceae) ở Vườn Quốc gia Vũ Quang, Hà Tĩnh	4	x	Báo cáo Khoa học về Nghiên cứu và Giảng dạy Sinh học ở Việt Nam, Hội nghị Khoa			123-128	2016

				học Quốc gia lần thứ 2, Đà Nẵng, 20 tháng 5 năm 2016; ISBN: 978-604-913-440-				
61	Đa dạng các loài cây cho tinh dầu ở Vườn Quốc gia Pù Mát, Nghệ An	4	x	Báo cáo Khoa học về Nghiên cứu và Giảng dạy Sinh học ở Việt Nam, Hội nghị Khoa học Quốc gia lần thứ 2, Đà Nẵng, 20 tháng 5 năm 2016, ISBN: 978-604-913-440-			373-379	2016
62	Chemical constituents of leaf essential oils of four Scrophulariaceae species grown in Vietnam	4	x	Journal of Essential Oil Research; ISSN: 478-6419 (Print) 1478-6427 (Online)	SCIE, Q2; IF: 1.148	4	27, 6, 481-486	2015
63	Constituents of essential oils from the leaves, stems and roots of *Zingiber gramineum* and *Zingiber rufopilosum*	5		Boletín Latinoamericano y del Caribe de Plantas Medicinales y Aromáticas; ISSN: 0717-7917	SCIE, Q3; IF: 0.771	3	14, 6, 449-455	2015
64	Volatile constituents of *Amomum maximum* Roxb. and *Amomum microarpum* C. F. Liang & D. Fang: two Zingiberaceae grown in Vietnam	5	x	Natural Product Research; ISSN: 478-6419 (Print) 1478-6427 (Online)	SCIE, Q2; IF: 2.158	10	29, 15, 1469-1472	2015
65	Composition of stem bark essential oils of three Vietnamese essential oils of three Vietnamese species of *Kadsura* (Schisandraceae)	6	x	Records of Natural Products; ISSN: 1307-6167	SCIE, Q2; IF: 1.444		9, 3, 386-393	2015
66	Essential oil constituents of *Etlingera yunnanensis* and *Hornstedtia sanhan* grown in Vietnam	6		Natural Product Communications; ISSN: 1934-578X (Print) 1555-9475 (Online)	SCIE, Q3, IF: 0.468	5	10, 2, 365-366	2015
67	Composition of essential oils from	4		Boletín Latinoamericano	SCIE, Q3; IF: 0.771	3	14, 1, 60-66	2015

	Euodia lepta (Spreng.) Merr. and *Euodia calophylla* Guill., grown in Vietnam			y del Caribe de Plantas Medicinales y Aromaticas; ISSN: 0717-7917				
68	Nghiên cứu tính đa dạng hệ thực vật bậc cao có mạch ở Vườn Quốc gia Vũ Quang, Hà Tĩnh	3		Tạp chí Công nghệ Sinh học, ISSN: 1811-4989			13, 4A, 1347-1352	2015
69	*Etlingera yunnanensis* (T. L. Wu & S. J. Chen) R. M. Sm. (Zingiberaceae) loài bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam	4	x	Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội; ISSN: 0866-8612			31, 4S, 35-38	2015
70	Thành phần hóa học tinh dầu loài Riềng pinna (*Alpinia pinnanensis* T. L. Wu & S.J. Chen) (Zingiberaceae) ở Nghệ An	4	x	Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội; ISSN: 0866-8612			31, 4S, 148-153	2015
71	Các loài thực vật bị đe dọa tuyệt chủng và giá trị của chúng ở Vườn Quốc gia Pù Mát, Nghệ An	3		Báo cáo Khoa học về Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật, Hội nghị Khoa học Toàn quốc lần thứ 6, Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội, 22/10/2015; ISBN: 978-604-0730-2			750-756	2015
72	Analysis of the essential oils from five Vietnamese *Litsea* species (Lauraceae)	5		Journal of Essential Oil Bearing Plants; ISSN: 0972-060X (Print) 0976-5026 (Online)	SCIE, Q4; IF: 0.824	13	17, 5, 960-971	2014
73	Composition of essential oils of four *Hedychium* species from Vietnam	6		Chemistry Central Journal; ISSN: 1752-153X	SCIE, Q2, IF: 2.284	20	8, 54	2014
74	Study on *Cinnamomum* oils: Compositional pattern of seven	5		Journal of Oleo Science; ISSN: 1345-8957 (Print) 1345-8957	SCIE, Q2, IF: 1.633	11	63, 10, 1035-1043	2014

	species grown in Vietnam			(Online)				
75	Chemical composition of the leaf oil of *Actephila excelsa* from Vietnam	4	x	Natural Product Communications; ISSN: 1934-578X (Print) 1555-9475 (Online)	SCIE, Q4, IF: 0.468	3	9, 9, 1359-1360	2014
76	*Kadsura oblongifolia* Merr. leaves, stem bark and root bark essential oils	4	x	Journal of Essential Oil Research; ISSN: 1041-2905	SCIE, Q2; IF: 1.148	3	26, 5, 372-376	2014
77	Chemical constituents of essential oil of the leaf of three species of *Croton* from Vietnam	4	x	Chemistry of Natural Compounds; ISSN: 1573-8388 (Print) 1573-8388 (Online)	SCIE; Q3, IF: 0.716	1	50, 1, 155-157	2014
78	Volatile constituents of the leaf oil of *Cratoxylum cochinchinense* (Lour.) Blume from Vietnam	3	x	Chemistry of Natural Compounds; ISSN: 1573-8388 (Print) 1573-8388 (Online)	SCIE; Q3, IF: 0.716	3	50, 1, 158-160	2014
79	Chemical composition of essential oils from the leaves and stem barks of Vietnamese species of *Polyalthia harmandii, Polyalthia jucunda* and *Polyalthia thorelii*	3	x	Natural Product Research; ISSN: 478-6419 (Print) 1478-6427 (Online)	SCIE, Q2; IF: 2.158	6	28, 8, 555-562	2014
80	Constituents of essential oils from the leaves, stem barks and resins of *Canarium parvum* Leen., and *Canarium tramdenanum* Dai et Yakovl. (Burseraceae) grown in Vietnam	4		Natural Product Research; ISSN: 478-6419 (Print) 1478-6427 (Online)	SCIE, Q2; IF: 2.158	10	28, 7, 461-466	2014
81	Analysis of essential oil constituens of Three *Dasymaschalon* species (Annonaceae) from Vietnam	4	x	Natural Product Research; ISSN: 478-6419 (Print) 1478-6427 (Online)	SCIE, Q2; IF: 2.158	2	28, 3, 156-163	2014
82	Đa dạng thành phần loài thực vật đai cao	4	x	Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia			30, 6SB, 347-352	2014

	ở Vườn Quốc gia Pù Mát, Nghệ An			Hà Nội; ISSN: 0866-8612				
83	Thành phần hóa học tinh dầu loài Hoàng mộc nhiều gai (*Zanthoxylum myriacanthum* Wall. ex Hook.f.) ở Nghệ An	3	x	Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội; ISSN: 0866-8612			30, 6SC, 520-524	2014
84	Essential oil of *Lindera rufa* Hook. f. leaves from Vietnam	3	x	Journal of Essential Oil Bearing Plants; ISSN: 0972-060X (Print) 0976-5026 (Onilne)	SCIE, Q4; IF: 0.824		16, 6, 832-834	2013
85	Essential oil compositions of *Alphonsea philastreana* (Pierre) Pierre ex Fin. et Gagnep. and *Alphonsea gaudichaudiana* (Baill.) Fin. et Gagnep. from Vietnam	4		Natural Product Research; ISSN: 478-6419 (Print) 1478-6427 (Online)	SCIE, Q2; IF: 2.158	3	27, 21, 2022-2026	2013
86	A comparative analysis of essential oil of *Goniothalamus macrocalyx* Ban, *Goniothalamus albiflorus* Ban and *Goniothalamus tamirensis* Pierre ex Fin. & Gagnep. from Vietnam	4		Natural Product Research; ISSN: 478-6419 (Print) 1478-6427 (Online)	SCIE, Q2; IF: 2.158	1	27, 21, 1999-2005	2013
87	Study on the volatile oil contents of *Annona glabra* L., *Annona squamosa* L., *Annona muricata* L. and *Annona reticulata* L. from Vietnam	4	x	Natural Product Research; ISSN: 478-6419 (Print) 1478-6427 (Online)	SCIE, Q2; IF: 2.158	36	27, 13, 1232-1236	2013
88	The leaf essential oils of four Vietnamese species of *Cinnamomum* (Lauraceae)	6		Journal of Essential Oil Research; ISSN: 1041-2905	SCIE; Q2, IF: 1.148	4	26, 4, 267-271	2013
89	Essential oil of	4		Records of	SCIE; Q2,	3	7, 3, 192-	2013

	Phoebe angustifolia Meisn., *Machilus velutina* Champ. ex Benth. and *Neolitsea polycarpa* Liou (Lauraceae) from Vietnam			Natural Products; ISSN: 478-6419 (Print) 1478-6427 (Online)	IF: 1.444		200	
90	Chemical compositions of the leaf essential oils of some Annonaceae from Vietnam	4		Journal of Essential Oil Research; ISSN: 1041-2905	SCIE; Q2, IF: 1.148	9	26, 2, 85-91	2013
91	Essential oils from Five species of Annonaceae from Vietnam	4		Natural Product Communications; ISSN: 1934-578X (Print) 1555-9475 (Online)	SCIE, Q4, IF: 0.468	12	8, 2, 239-242	2013
92	Thành phần hóa học của tinh dầu loài bời lời cam bốt (*Litsea cambodiana* Lecomte) và loài Bời lời đỏ tươi (*Litsea salmonea* A. Chev.) ở Vườn Quốc gia Bạch Mã	4		Tạp chí Sinh học; ISSN: 0866-7160			35, 3, 301-305	2013

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được được cấp bằng TS: **39;** [2-3], [7], [9], [11-17], [20-21], [23], [28-36], [39-45], [54-55], [62], [64-65], [67], [75-79], [81], [83-84], [87].

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố *(Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)*

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
II	Sau khi được công nhận TS						
1							
2							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: ……

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): ……

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):..……..

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): ……

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (ƯV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): ……

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): năm học **2015-2016/45,9**

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): **2015-2016/45,9**

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (ƯV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: ……

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (ƯV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: ……

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (ƯV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: ……

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (ƯV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: ……

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc ƯV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: …….

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc ƯV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: ……

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: …….

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: ……

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Nghệ An, ngày 21 tháng 07 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

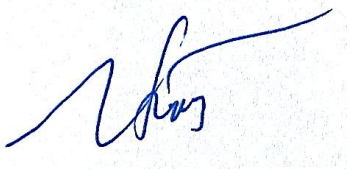

Đỗ Ngọc Đài